

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 350/CT-KTT
V/v cung cấp thông tin quyết toán
thuế năm 2018.

Hà Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2019

- Kính gửi: - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Các cơ quan chi trả thu nhập trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.
- Đại lý thuế - Công ty CP xúc tiến thương mại & đầu tư VHT.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam, xin gửi lời chào trân trọng tới Quý đơn vị. Để giúp Quý đơn vị thực hiện tốt các quy định về quản lý thuế đối với Hồ sơ khai quyết toán năm 2018, Cục Thuế tỉnh Hà Nam *cung cấp một số thông tin* như sau:

Một: Thời hạn nộp Hồ sơ quyết toán năm 2018, cụ thể: "*c) Chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm*".

Hai: Theo quy định trên, Quý đơn vị kiểm tra lại theo một số hướng dẫn:

1. Đối với thuế TNDN chi tiết theo Phụ lục 01.
2. Đối với thuế TNCN – Chi tiết theo Phụ lục 02.
3. Ngành Thuế đã cung cấp các Ứng dụng hỗ trợ tại các phiên bản nâng cấp mới nhất như sau: HTKK phiên bản 4.1.2; iHTKK phiên bản 3.6.9; QTT_TNCN phiên bản 3.3.3.

- Đối với đơn vị sử dụng chứng thư số: kê khai tờ khai quyết toán thuế trên Hệ thống hỗ trợ khai thuế điện tử (iHTKK) địa chỉ: <http://kekhaithue.gdt.gov.vn>.

- Cơ quan chi trả thu nhập, cá nhân chưa sử dụng chứng thư số thực hiện kê khai các tờ khai quyết toán thuế trên Hệ thống dịch vụ thuế điện tử, địa chỉ: <http://thuedientu.gdt.gov.vn> đồng thời gửi tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng Hồ sơ giấy.

- Đối với tờ khai cấp mã số thuế qua cơ quan chi trả (*mẫu số 01-TNCN*), các tổ chức chi trả thu nhập vẫn thực hiện gửi trên trang của TNCT online, tại địa chỉ: <https://tncnonline.com.vn>.

Để tránh nộp chậm Hồ sơ quyết toán năm 2018, các đơn vị thực hiện lập và gửi Hồ sơ trước thời điểm cuối cùng để có thể điều chỉnh kịp thời nếu có sai sót.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam thông báo để Quý doanh nghiệp, Các Tổ chức chi trả thu nhập biết và thực hiện. Đề nghị Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam, các đơn vị đại lý thuế phối hợp.

Quý đơn vị có thể tìm hiểu thêm trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Hà Nam tại địa chỉ Website <http://hanam.gdt.gov.vn>.

Ngành Thuế tỉnh Hà Nam duy trì bộ phận hỗ trợ tại các cơ quan thuế tỉnh Hà Nam (*Cục Thuế tỉnh; Chi cục Thuế các huyện, thành phố*). Đồng thời cam kết sẽ

hỗ trợ, giải quyết tốt nhất các vướng mắc phát sinh trong kỳ quyết toán năm 2018.

Ngành Thuế tỉnh Hà Nam dự kiến theo yêu cầu thực tế của Quý Doanh nghiệp, các cơ quan chi trả thu nhập, sẽ tổ chức tập huấn hướng dẫn quyết toán thuế năm 2018. Đề nghị Quý đơn vị vui lòng gửi thông tin tới cơ quan thuế. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ cơ quan thuế trực tiếp quản lý hoặc theo điện thoại:

Phòng Tuyên truyền và hỗ trợ NNT: 0226.3829232 (đ/c Ngoan).

Phòng Quản lý thuế TNCN: 0226.3851552(đ/c Phương).

Phòng Kiểm tra thuế: 0226.3847845(đ/c Hợp; đ/c Hương; đ/c Thạnh).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *1/CF*

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng, Chi cục Thuế;
- Lưu: VT, Web, KTT.



Đỗ Hồng Nam





PHỤ LỤC 01 – THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Kèm theo công văn số 350/CT-KTT ngày 24/01/2019 Cục Thuế tỉnh Hà Nam).

1. NGUYÊN TẮC KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN:

- Khai quyết toán thuế TNDN bao gồm khai quyết toán thuế TNDN năm hoặc khai quyết toán thuế TNDN đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm, chậm nhất là ngày thứ chín mươi (90), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN đối với trường hợp doanh nghiệp có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động, chậm nhất là ngày thứ bốn mươi lăm (45), kể từ ngày có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (*như chuyển đổi loại hình tổ chức doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà Nước thành Công ty cổ phần; và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*) thì **không** phải khai quyết toán thuế TNDN đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi, doanh nghiệp chỉ khai quyết toán thuế năm theo quy định.

2. HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- Báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

- Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 151/2014/TT-BTC, tùy theo thực tế phát sinh của doanh nghiệp:

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Các Phụ lục về ưu đãi về thuế TNDN:

* Mẫu số 03-3A/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, thuế TNDN được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới.

* Mẫu số 03-3B/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, thuế TNDN được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản

xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (*đầu tư mở rộng*).

* Mẫu số 03-3C/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, thuế TNDN được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ.

+ Phụ lục thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

+ Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ (*nếu có*) theo mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (*nếu có*) theo mẫu 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Phụ lục tính nộp thuế TNDN của doanh nghiệp có các đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính (*nếu có*) theo mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- **DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT:** Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ; Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính, nộp các hồ sơ kèm theo hồ sơ quyết toán thuế TNDN, cụ thể:

+ Mẫu số 01 Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 41.

+ Mẫu số 02 Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ quốc gia và Mẫu số 03 Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ toàn cầu. Người nộp thuế đánh dấu vào các dòng tương ứng với các thông tin, tài liệu đã lập tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

+ Mẫu số 04 Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu từ mười tám nghìn tỷ đồng trở lên có hoạt động tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41.

Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế bao gồm:

a) Hồ sơ quốc gia là các thông tin về giao dịch liên kết, chính sách và phương pháp xác định giá đối với giao dịch liên kết được lập và lưu tại trụ sở của người nộp thuế theo danh mục các nội dung thông tin, tài liệu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.

b) Hồ sơ toàn cầu là các thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn đa quốc gia, chính sách và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết của tập đoàn trên toàn cầu và chính sách phân bổ thu nhập và phân bổ các hoạt động, chức năng trong chuỗi giá trị của tập đoàn theo danh mục các nội dung thông tin, tài liệu quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.

Người nộp thuế lập và cung cấp Hồ sơ toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia nơi hợp nhất báo cáo tài chính của người nộp thuế tại Việt Nam theo quy định về chế độ kế toán. Trường hợp người nộp thuế là công ty con của nhiều công ty mẹ thuộc

các tập đoàn đa quốc gia khác nhau và báo cáo tài chính của người nộp thuế được hợp nhất vào nhiều tập đoàn thì người nộp thuế cung cấp Hồ sơ toàn cầu của tất cả các tập đoàn này.

c) Bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài của người nộp thuế được lập theo quy định của pháp luật nước sở tại.

Trường hợp người nộp thuế là công ty con của nhiều công ty mẹ tối cao thuộc các tập đoàn đa quốc gia khác nhau và báo cáo tài chính của người nộp thuế được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhiều tập đoàn thì người nộp thuế lưu bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tất cả các công ty mẹ tối cao.

Trường hợp người nộp thuế không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao cho kỳ tính thuế tương ứng với kỳ quyết toán thuế của người nộp thuế, người nộp thuế phải cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao của năm tài chính liền kề trước kỳ tính thuế của người nộp thuế và giải thích lý do bằng văn bản kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao, người nộp thuế giải thích lý do bằng văn bản kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

d) Thông tin tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết được xác định là trọng yếu nếu thông tin này gây ảnh hưởng đến kết quả phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập tương đồng; phương pháp xác định giá giao dịch liên kết hoặc kết quả điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế.

3. MỘT SỐ LƯU Ý:

- Về doanh thu tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để biếu tặng, trường hợp dùng để biếu tặng khách hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN; trường hợp dùng để biếu tặng không phải là khách hàng, không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

- Khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ (*bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng và hóa đơn bán hàng*) từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối với khoản chi tiền học cho con của người nước ngoài học tại Việt Nam theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông được doanh nghiệp hoặc chi tiền trả tiền nhà cho người lao động nếu được quy định tại hợp đồng lao động và có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

- Không tính vào chi phí được trừ khoản chi tiền lương, tiền công và khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi, trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Việc trích lập

dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, doanh nghiệp không bị lỗ, nếu doanh nghiệp bị lỗ thì không được trích đủ 17%.

- Tiền lương, tiền công của chủ DNTN, chủ công ty TNHH một thành viên (*do cá nhân làm chủ*); thù lao cho sáng lập viên, thành viên hội đồng thành viên, hội đồng quản trị mà những người này không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh thì **không** được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

- DN trong năm có phát sinh bán toàn bộ Công ty TNHH Một thành viên dưới hình thức chuyên nhượng vốn có gắn bất động sản thì trong năm khi phát sinh nộp thuế theo từng lần phát sinh và kê khai theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC. Cuối năm khi thực hiện khai quyết toán tổng hợp tờ khai 06/TNDN, cùng với tờ khai 02/TNDN vào phụ lục 03-5/TNDN kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN.

- Số thuế TNDN tạm nộp trong năm kê khai trên tờ khai quyết toán được xác định theo chứng từ nộp thuế TNDN trong năm tài chính (*từ ngày đầu năm tài chính cho đến hết ngày thứ 30 kể từ ngày kết thúc năm tài chính*) sau khi đã bù trừ hết với các khoản thuế nợ năm trước chốt đến 31/01 (*năm tài chính trùng năm dương lịch*) và các khoản thuế phát sinh trong năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động chuyên nhượng bất động sản (*có cùng tiểu mục*).

Trường hợp tổng số thuế tạm nộp trong kỳ tính thuế thấp hơn số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán từ 20% trở lên thì doanh nghiệp phải nộp tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán tính từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý bốn của doanh nghiệp đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

Đối với số thuế TNDN tạm nộp theo quý thấp hơn số thuế phải nộp theo quyết toán dưới 20% mà doanh nghiệp chậm nộp so với thời hạn quy định (*thời hạn nộp hồ sơ quyết toán năm*) thì tính tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với quyết toán.

4. DOANH NGHIỆP PHẢI KIỂM TOÁN

Quý Doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về trường hợp bắt buộc phải kiểm toán tại Điều 15 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP, cụ thể: “*Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán; Các doanh nghiệp, tổ chức khác bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan và các doanh nghiệp, tổ chức phải được doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm toán*”...

Để thực hiện tốt quy định trên, lập và gửi tới cơ quan thuế trong môi trường điện tử, Quý Doanh nghiệp có thể tham khảo cách nộp báo cáo kiểm toán qua mạng như sau:

Bước 1: Truy cập Website nhận tờ khai tại <http://kekhaithue.gdt.gov.vn>. Khi

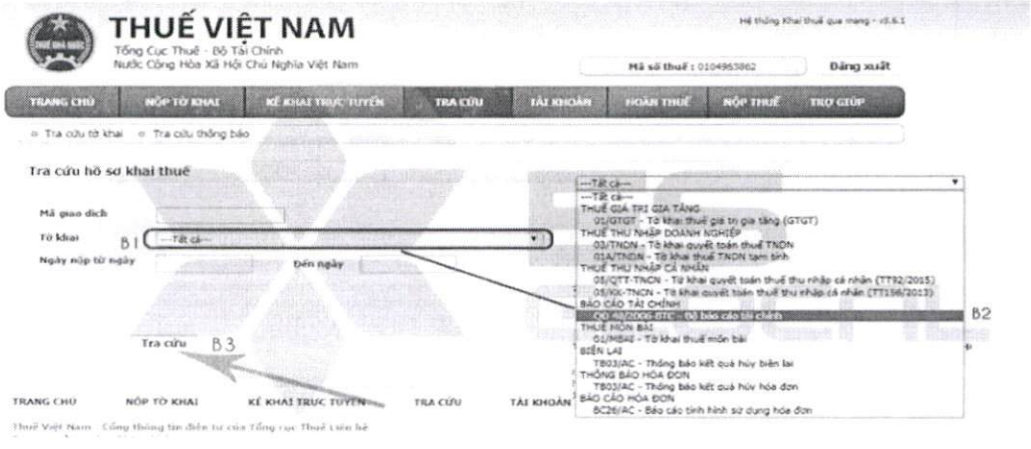
NNT truy cập vào màn hình hiển thị như sau:

Bước 2: Người nộp thuế Ấn vào "Đăng nhập" màn hình hiển thị như sau:

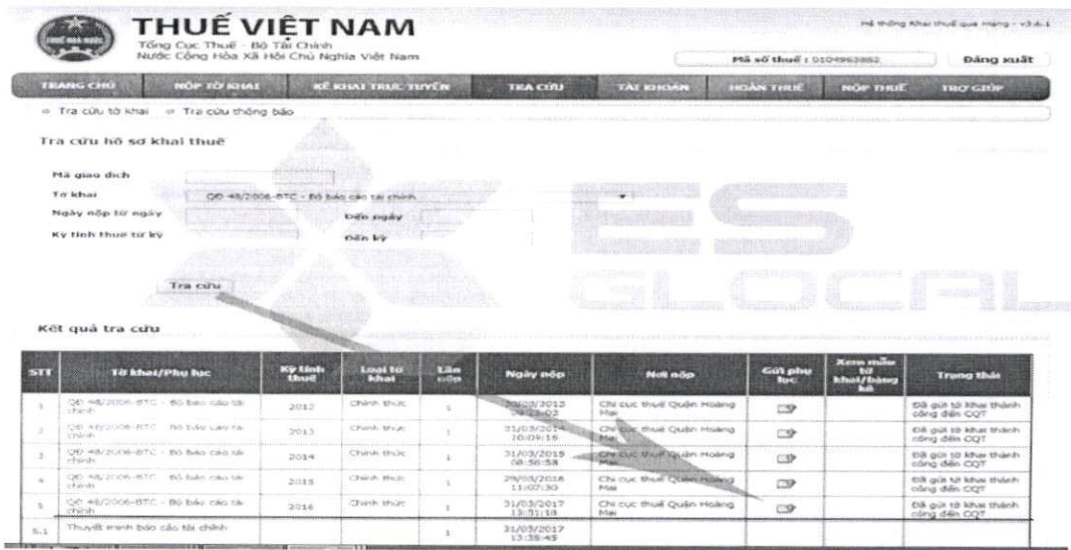
Bước 3: NNT vào Tra cứu ==> Và mục tra cứu tờ khai theo hình dưới đây

Tra cứu thông báo cáo tài chính đã nộp.

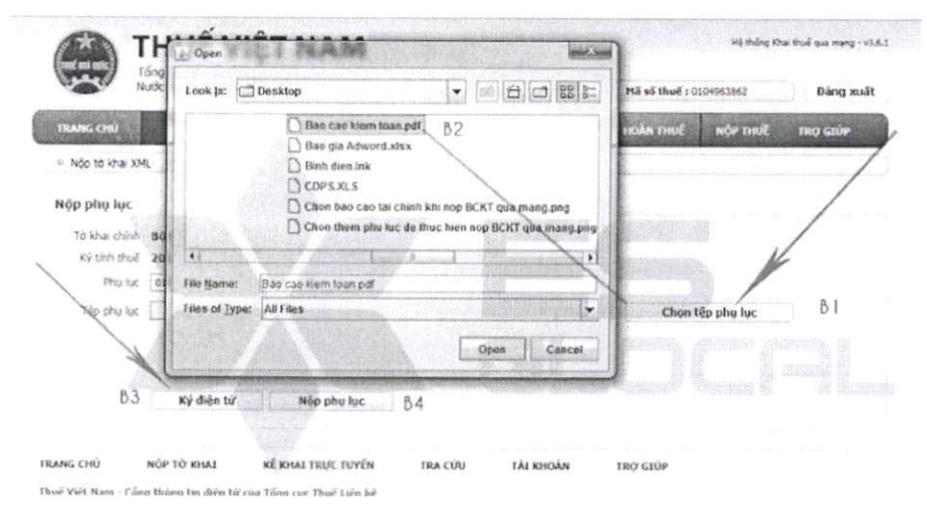
Bước 4: Sau khi tra cứu Báo cáo tài chính ----> Màn hình hiển thị. **Lưu ý**, cần lựa chọn đúng báo cáo theo TT 200 hoặc TT133 như màn hình dưới đây:



Chọn báo cáo tài chính khi nộp báo cáo Kiểm toán qua mạng
Bước 5: Thực hiện nộp báo cáo kiểm toán theo hình hướng dẫn bên dưới, chọn mục thêm phụ lục theo hình bên dưới:



Chọn thêm phụ lục để thực hiện nộp BCKT qua mạng
 Tiếp theo các bạn thực hiện như sau:



PHỤ LỤC 02 – THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1. Hồ sơ quyết toán thuế TNCN

1.1. Đối với tổ chức trả thu nhập

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Phụ lục bảng kê chi tiết mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN; bảng kê chi tiết mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN; bảng kê chi tiết mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

1.2. Đối với cá nhân quyết toán thuế với cơ quan thuế.

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

- Bảng chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó.

Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bảng chụp các hóa đơn, chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.

2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế.

2.1. Đối với tổ chức trả thu nhập.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan Trung ương; cơ quan thuộc, trực thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ quan cấp tỉnh nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện; cơ quan cấp huyện nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Cục Thuế nơi đóng trụ sở chính.

2.2. Đối với cá nhân quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế trong năm thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Cục Thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

- Cá nhân tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập.

- Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức trả thu nhập cuối cùng.

- Cá nhân nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (*nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú*), cụ thể:

+ Cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân.

+ Cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất kỳ tổ chức trả thu nhập nào.

+ Cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10%.

+ Cá nhân trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán thuế không làm việc tại tổ chức trả thu nhập nào.

- Trường hợp cá nhân cư trú tại nhiều nơi và thuộc diện quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú thì cá nhân lựa chọn một nơi cư trú để quyết toán.

3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế.

3.1. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế

- Cá nhân có số thuế phải nộp thêm thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2018, chậm nhất là ngày thứ chín mươi (90), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Cá nhân có số thuế nộp thừa, yêu cầu hoàn thuế thì cá nhân có thể nộp hồ sơ bất cứ thời điểm nào trong năm.

3.2. Đối với tổ chức chi trả

- Tổ chức chi trả thu nhập phải quyết toán thuế theo năm dương lịch thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2018, chậm nhất là ngày thứ chín mươi (90), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với thuế TNCN đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ bốn mươi lăm (45), kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản.

4. Đối tượng phải quyết toán thuế TNCN

4.1. Cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công phải thực hiện quyết toán thuế TNCN

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN nếu có số phải nộp thêm.

- Cá nhân cư trú có số thuế nộp thừa có nhu cầu đề nghị hoàn.

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo.

- Cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam phải khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh.

Lưu ý: Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá mười (10) triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ tại nguồn theo tỷ lệ 10%, nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này; Cá nhân cư trú chỉ phải thực hiện quyết toán thuế TNCN đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công.

4.2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công phải thực hiện khai quyết toán thuế TNCN

- Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho cá nhân có ủy quyền.

- Tổ chức trả thu nhập chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của tổ chức trước chuyển đổi (*như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*) thì tổ chức trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp và không cấp chứng từ khấu trừ thuế đối với người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới, bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán năm theo quy định.

- Tổ chức trả thu nhập sau khi tổ chức lại doanh nghiệp (*chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi*), người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thay cho người lao động.

- Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế TNCN đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ bốn mươi lăm (45) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế TNCN.

5. Đối tượng không phải thực hiện quyết toán thuế

5.1. Cá nhân không phải thực hiện quyết toán thuế

- Cá nhân cư trú có số thuế TNCN nộp thừa mà không có yêu cầu hoàn thuế.
- Cá nhân cư trú đã nộp đủ số thuế TNCN phải nộp.
- Cá nhân không cư trú tại Việt Nam nhưng có phát sinh khấu trừ hoặc tạm nộp trong năm.

5.2. Tổ chức không phải thực hiện quyết toán thuế

- Tổ chức không phát sinh chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- Tổ chức trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì tổ chức trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế TNCN, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm theo mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC chậm nhất là ngày thứ bốn mươi lăm (45) kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

6. Ủy quyền quyết toán thuế

6.1. Cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức chi trả thu nhập

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại tổ chức đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán thuế, kể cả trường hợp làm việc không đủ 12 tháng trong năm tại tổ chức, (nếu) đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá mười (10) triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ đủ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp, nếu trong năm người lao động không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi nào khác thì được ủy quyền quyết toán cho tổ chức mới quyết toán thuế thay. Tổ chức mới nếu thực hiện quyết toán thuế theo ủy quyền của người lao động thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và tổ chức mới phải thu hồi lại chứng từ khấu trừ thuế do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

- Trường hợp điều chuyển người lao động giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ/con, trụ sở chính/chi nhánh thì cũng được thực hiện nguyên tắc ủy quyền quyết toán thuế như đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.

Lưu ý:

- Tổ chức trả thu nhập thực hiện nhận UQ quyết toán thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức trả thu nhập *trừ* trường hợp các doanh nghiệp trong năm có chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi và trường hợp người lao động điều chuyển giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống: Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ/con, trụ sở chính/chi nhánh.

- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (*trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện*), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC, kèm theo

bản chụp hóa đơn, chứng từ chứng minh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (nếu có).

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức trả thu nhập có thể lập danh sách cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN, đồng thời cam kết tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, nội dung trong danh sách.

- Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc trường hợp trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: "Công ty đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông bà(theo ủy quyền) tại dòng(số thứ tự) của phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN" để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

6.2. Cá nhân không được UQ quyết toán thuế qua tổ chức chi trả thu nhập

- Cá nhân thuộc các trường hợp được ủy quyền, nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức trả thu nhập (*trừ trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân*).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị nhưng vào thời điểm quyết toán thuế không còn làm việc tại tổ chức đó.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế hoặc khấu trừ thuế chưa đủ, bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên từ nhiều nơi.

- Cá nhân có thu nhập vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (*kể cả trường hợp có thu nhập vãng lai duy nhất tại một nơi*).

- Cá nhân chưa đăng ký mã số thuế.

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì không ủy quyền quyết toán thuế mà cá nhân tự khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ xét giảm thuế theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 46 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Danh mục bệnh hiểm nghèo được thực hiện theo công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo được xét giảm thuế TNCN.

7. Một số nội dung khác

7.1. Thu nhập chịu thuế

- Thu nhập chịu thuế phải quyết toán năm là tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân thực nhận từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Đối với khoản tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), không bao gồm khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.

- Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.

- Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.

- Các khoản phụ, trợ cấp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

7.2. Thu nhập tính thuế bình quân tháng.

- Khi thực hiện quyết toán thuế năm thì thu nhập tính thuế bình quân tháng được xác định bằng tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm sau đó chia cho 12 tháng, cụ thể:

Thu nhập tính thuế bình quân tháng = (tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm)/12 tháng

- Trường hợp cá nhân cư trú là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập thì nghĩa vụ thuế TNCN được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc Hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng).

7.3. Các Khoản giảm trừ

- Giảm trừ gia cảnh cho bản thân

+ Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng khi thực hiện quyết toán thuế.

+ Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân được tính tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế TNCN phải khai tại Việt Nam.

- Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc: Việc giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng được tính từ tháng có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

+ Người phụ thuộc đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì được tính giảm trừ gia cảnh trong năm quyết toán, kể cả trường hợp người phụ thuộc chưa được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

+ Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc được tính tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế TNCN phải khai tại Việt Nam.

+ Trường hợp đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng và tại mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính đã khai “*thời điểm tính giảm trừ*” sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng thì khi quyết toán thuế TNCN để được tính lại theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, cá nhân đăng ký lại mẫu số 02/ĐK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế.

+ Trường hợp có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác (*anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì, ..*) theo hướng dẫn tại tiết d.4 Điểm d Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12 của năm quyết toán, nếu đăng ký giảm trừ gia cảnh quá thời hạn nêu trên không được giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc trong trường hợp này của năm quyết toán.

+ Người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ gia cảnh một lần tại một nơi trong năm tính thuế. Trường hợp nhiều cá nhân người nộp thuế có chung người phụ thuộc phải nuôi dưỡng thì cá nhân người nộp thuế tự thỏa thuận để đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc cho một cá nhân người nộp thuế.

7.4. Điều kiện để xác định người khuyết tật, không có khả năng lao động là người phụ thuộc, người khuyết tật, không có khả năng lao động theo hướng dẫn tại tiết d.1.1, Điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính là những người thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh không có khả năng lao động (*như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...*).